

Bản án số: 88/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14/12/2017

“Về việc xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Châu Văn Sang**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**

2. Bà **Lương Thị Kim Vân**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phan Thị Nhã Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 555/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2017/QĐHPT-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1970.
Địa chỉ: tổ 7, ấp 1, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Thị Kim H, sinh năm 1972.
Địa chỉ: tổ 7, ấp 1, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Kim H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh vào năm 1996.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường

xuyên cãi nhau. Anh N sống riêng từ tháng 7/2017, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh N nhận thấy không còn tình cảm với chị H, vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Kim H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thúy V, sinh năm 1997 và Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 2004. Con chung tên Nguyễn Trần Minh H đang sống với chị H, khi ly hôn anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trần Minh H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Trần Thúy V đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn chị Trần Thị Kim H trình bày trong biên bản hòa giải ngày 31/10/2017:

- Về hôn nhân: Chị H thừa nhận lời trình bày của anh N về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay chị H nhận thấy vẫn còn tình cảm với anh N nên chị H không đồng ý ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thúy V, sinh năm 1997 và Nguyễn Trần Minh V, sinh năm 2004. Nếu phải ly hôn thì chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trần Minh H chứ không đồng ý giao con cho anh N nuôi như anh yêu cầu. Riêng con chung tên Nguyễn Trần Thúy V đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào trình bày của anh Nguyễn Văn N, nội dung đơn khởi kiện ngày 05/9/2017 của anh và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, địa chỉ của bị đơn chị Trần Thị Kim H tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị Kim H là bị đơn trong vụ kiện nhưng chị H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối

với chị H để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự còn lại theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Kim H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh vào năm 1996. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, hợp pháp.

Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn hòa hợp. Anh N đã ra sống riêng, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2017. Từ khi ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên Tòa anh N khẳng định không còn tình cảm gì với chị H. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh chị không đạt được mục đích, xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. Do đó anh N yêu cầu được ly hôn với chị H thấy phù hợp nên chấp nhận.

Xét trình bày của chị H trong biên bản hòa giải ngày 31/10/2017 cho rằng còn tình cảm với anh N nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy từ khi ly thân 7/2017 anh N ra ở riêng chị H không có biểu hiện hay hành vi nào thể hiện có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, khi hòa giải chị cũng không đưa ra giải pháp khả thi nào để hàn gắn tình cảm giữa hai bên. Chị chỉ trình bày đơn thuần là còn tình cảm, không đồng ý ly hôn là chưa phù hợp nên không chấp nhận trình bày của chị.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thúy V, sinh năm 1997 và Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 2004. Tại phiên Tòa anh N đồng ý để con chung tên Nguyễn Trần Minh H cho chị H nuôi dưỡng. Vấn đề này phù hợp với ý kiến của chị H và một phần nguyện vọng của cháu Minh H nên chấp nhận việc ý kiến của anh N là tiếp tục để con chung tên Nguyễn Trần Minh H cho chị H nuôi dưỡng. Anh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do phía chị H không yêu cầu. Đối với con chung tên Nguyễn Trần Thúy V đã trưởng thành các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

- Về nợ chung: anh N và chị H thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về trách nhiệm chịu án phí:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 08, 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N.

+ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Trần Thị Kim H.

+ Về con chung: chị Trần Thị Kim H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 2004. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu. Con chung Nguyễn Trần Thúy V đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo biên lai số 16066 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm anh N được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND TTr Mỹ Tho;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Châu Văn Sang